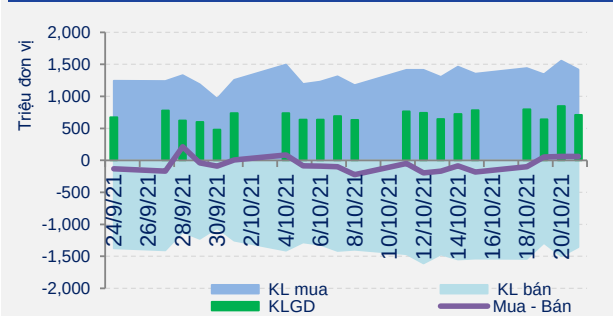
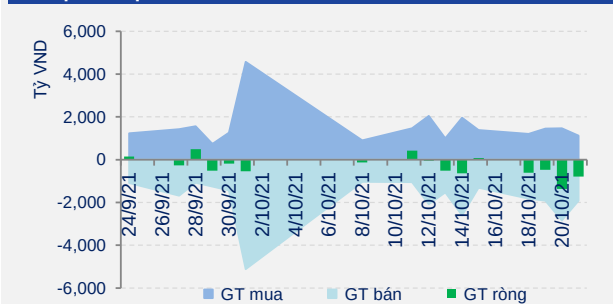


MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 21/10/2021

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,384.77	388.45
% Thay đổi	↓ -0.65%	↑ 0.04%
KLGD (CP)	709,183,820	119,529,482
GTGD (tỷ đồng)	21,026.45	2,306.55
Tổng cung (CP)	1,354,564,200	181,072,700
Tổng cầu (CP)	1,416,549,200	179,417,700

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	43,410,900	1,141,412
KL mua (CP)	27,705,700	667,500
GT mua (tỷ đồng)	1,130.54	15.36
GT bán (tỷ đồng)	1,920.43	28.24
GT ròng (tỷ đồng)	(789.89)	(12.88)

Tương quan cung cầu

Giá trị Giao dịch NĐTNN


Nhà đầu tư	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -0.49%	24.7	3.9	1.7%
Công nghiệp	↑ 0.28%	19.9	3.0	10.1%
Dầu khí	↓ -0.30%	18.3	2.0	2.8%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -1.25%	-	4.8	4.9%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.48%	17.9	2.6	1.1%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.96%	21.3	4.2	6.7%
Ngân hàng	↓ -0.86%	11.5	2.1	15.6%
Nguyên vật liệu	↑ 0.28%	14.2	3.0	24.7%
Tài chính	↓ -0.49%	18.4	3.2	29.8%
Tiền tệ Cộng đồng	↓ -1.39%	17.5	3.1	2.7%
VN - Index	↓ -0.65%	17.1	2.8	
HNX - Index	↑ 0.04%	22.9	4.6	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường giảm điểm trong phiên thứ ba liên tiếp với thanh khoản trên mức trung bình. Cụ thể, VN-Index giảm 9,03 điểm (-0,65%) xuống 1.384,77 điểm. Độ rộng trên sàn HOSE là tích cực với 244 mã tăng, 56 mã tham chiếu, 206 mã giảm. HNX-Index tăng 0,16 điểm (+0,04%) lên 388,45 điểm. Độ rộng trên sàn HNX là tích cực với 155 mã tăng, 47 mã tham chiếu, 90 mã giảm. Thanh khoản khớp lệnh trên hai sàn suy giảm so với phiên trước đó nhưng vẫn cao hơn mức trung bình 20 phiên với khối lượng khớp lệnh 799 triệu cổ phiếu tương ứng với giá trị khớp lệnh 22.175 tỷ đồng. Thị trường tăng điểm trong phiên sáng nhưng áp lực bán gia tăng từ khoảng 11h trở đi khiến VN-Index lùi dần xuống sắc đỏ và áp lực gia tăng trong phiên ATC khiến chỉ số này kết phiên ở mức thấp nhất. Có đến 27/30 cổ phiếu vốn hóa lớn trong rổ VN30 kết phiên trong sắc đỏ, có thể kể đến như VJC (-3%), SAB (-2,1%), GAS (-2%), MSN (-2%), POW (-2%), VPB (-2%), HDB (-1,8%), ACB (-1,7%), MWG (-1,7%), SSI (-1,5%)... tạo ra áp lực điều chỉnh mạnh lên thị trường chung. Ở chiều ngược lại, chỉ có 3/30 cổ phiếu lớn là còn giữ được sắc xanh như KDH (+1,4%), HPG (+0,5%), PDR (+0,3%)... Nhóm cổ phiếu bất động sản vừa và nhỏ đi ngược thị trường chung khi vẫn thu hút được dòng tiền và đồng loạt tăng giá, có thể kể đến như DIG (+4%), FLC (+3,9%), KDH (+1,4%), SCR (+2,3%), DXG (+2,6%), ASM (+3,2%), TDH (+6,6%), HQC (+7%), NTL (+6,9%), HDC (+1,6%), BII (+9,5%)... Cổ phiếu dệt may cũng có một phiên tích cực với VGT (+3,9%), TCM (+6,5%), TNG (+1,6%), PPH (+6,4%), NDT (+11,1%)...

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thị trường đã có biến động mạnh trong phiên ATC với áp lực bán gia tăng khiến chỉ số VN30 (-1,05%) giảm khá mạnh. Điều này giúp cho những nhà giao dịch nắm giữ vị thế short thu lợi trong phiên đảo hạn hợp đồng VN30F2110. Tuy nhiên, diễn biến tăng hay giảm mạnh là không quá bất ngờ trong những phiên đảo hạn. Khối ngoại bán ròng khoảng 800 tỷ đồng trên hai phiên cũng tạo nên một phần áp lực lên thị trường. Trên góc nhìn kỹ thuật, với ba phiên giảm liên tiếp nhưng chỉ số VN-Index vẫn giữ được vùng hỗ trợ trong khoảng 1.375-1.380 điểm nên khả năng để hồi phục trở lại trong phiên cuối tuần 22/10 để hướng đến ngưỡng tâm lý 1.400 điểm là vẫn còn. Trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán tiếp tục gia tăng thì có thể VN-Index sẽ cần test lại lực cầu trong vùng hỗ trợ gần nhất trong khoảng 1.375-1.380 điểm.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

21/10/2021

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index tăng điểm trong phiên giao dịch sáng, với mức cao nhất trong phiên tại 1.398,45 điểm. Từ khoảng 11h trở đi, áp lực bán xuất hiện khiến chỉ số lùi xuống sắc đỏ và lực bán gia tăng mạnh trong phiên ATC khiến chỉ số kết phiên ở mức thấp nhất. Kết phiên, VN-Index giảm 9,03 điểm (-0,65%) xuống 1.384,77 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: VIC giảm 1.300 đồng, GAS giảm 2.300 đồng, VHM giảm 900 đồng. Ở chiều ngược lại, HPG tăng 300 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index tăng điểm trong phần lớn thời gian phiên hôm nay, với mức cao nhất trong phiên tại 391,28 điểm. Có thời điểm vào giữa phiên, chỉ số điều chỉnh xuống sắc đỏ, với mức thấp nhất trong phiên tại 386,33 điểm. Kết phiên, HNX-Index tăng 0,16 điểm (+0,04%) lên 388,45 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: THD tăng 500 đồng, L14 tăng 5.300 đồng, PVI tăng 600 đồng. Ở chiều ngược lại, KSF giảm 3.900 đồng.

GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 789,98 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 13,6 triệu đơn vị. HPG là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 310 tỷ đồng tương ứng với 5,4 triệu cổ phiếu, tiếp theo là NLG với 99,1 tỷ đồng tương ứng với 1,9 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, VNM là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 104,4 tỷ đồng tương ứng với 1,2 triệu cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 12,94 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 474 nghìn cổ phiếu. TNG là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 6,2 tỷ đồng tương ứng với 203 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là MBG với 2,3 tỷ đồng tương ứng với 178 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, PVI là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 2,8 tỷ đồng tương ứng với 58,6 nghìn cổ phiếu.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

VEPR: Kinh tế Việt Nam có thể tăng trưởng 2-2.5% trong năm 2021

Theo kịch bản xấu: tăng trưởng kinh tế cả năm 2021 được dự báo ở mức 1-1.5%. Ở kịch bản tốt: tăng trưởng kinh tế cả năm được dự báo ở mức 2-2.5%.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index giảm điểm trong phiên thứ ba liên tiếp với thanh khoản khớp lệnh suy giảm so với phiên trước đó nhưng vẫn cao hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy là bên bán đã gia tăng áp lực về cuối phiên hôm nay.

Góc nhìn về phân tích kỹ thuật là lý thuyết sóng Elliott với việc sóng tăng 5 (từ 1.000 điểm lên 1.420 điểm) đã kết thúc khi đạt đến độ dài của sóng tăng 3 (từ 780 điểm lên 1.200 điểm) với mức tăng cùng là 420 điểm.

Sóng điều chỉnh a sau đó đã kết thúc trong phiên 20/7 khi VN-Index chạm ngưỡng 1.225 điểm rồi hồi phục từ đây.

Và hiện tại là sóng hồi phục b với target theo lý thuyết trong khoảng 1.325-1.350 điểm (fibonacci retracement 50%-61,8%). Thực tế là sóng hồi phục b đã vượt quá target lý thuyết trên để hướng dần đến ngưỡng tâm lý 1.400 điểm.

Với ba phiên giảm điểm liên tiếp nhưng VN-Index vẫn đóng cửa trên vùng hỗ trợ 1.375-1.380 điểm nên khả năng để VN-Index hướng đến kháng cự tâm lý 1.400 điểm trong các phiên tiếp theo là vẫn còn. Nhất là phiên hôm nay cũng là phiên đáo hạn của hợp đồng tương lai VN30F2110 nên diễn biến giảm trong phiên ATC không mang nhiều ý nghĩa về mặt xu hướng.

Tuy nhiên, trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán tiếp tục gia tăng thì có thể VN-Index sẽ cần test lại lực cầu trong vùng hỗ trợ gần nhất trong khoảng 1.375-1.380 điểm.

Dự báo, trong phiên giao dịch cuối tuần 22/10, VN-Index có thể sẽ hồi phục trở lại để hướng dần về ngưỡng kháng cự tâm lý 1.400 điểm.



TIN TRONG NƯỚC

Giá vàng trong nước đi ngang

Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 57,35 - 58,05 triệu đồng/lượng, tăng 100.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và giảm 50.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay.

Tỷ giá trung tâm giảm 22 đồng

Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 21/10 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.145 VND/USD, giảm 22 đồng so với hôm qua.

TIN QUỐC TẾ

Giá vàng thế giới tăng

Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới tăng 1,4 USD/ounce tương ứng với 0,08% lên 1.786,3 USD/ounce.

Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng

Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) tăng 0,137 điểm tương ứng 0,15% lên 93,672 điểm. USD tăng so với EUR lên: 1 EUR đổi 1,1640 USD. USD tăng so với GBP lên: 1 GBP đổi 1,3790 USD. USD giảm so với JPY xuống: 1 USD đổi 114,07 JPY.

Giá dầu thế giới giảm

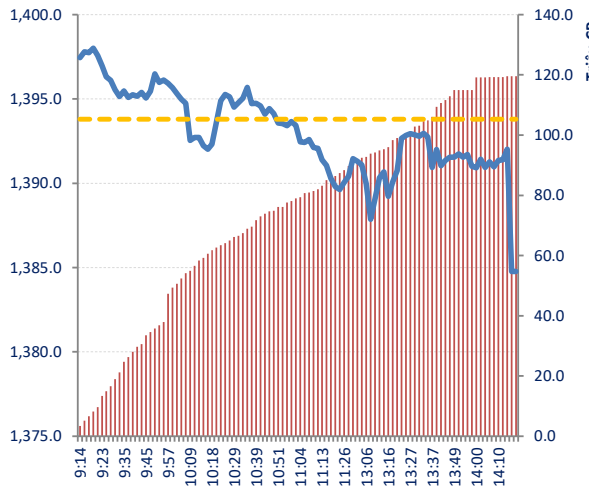
Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI giảm 0,53 USD/thùng tương ứng với 0,64% xuống 82,89 USD/thùng.

Chứng khoán Mỹ tăng giảm trái chiều

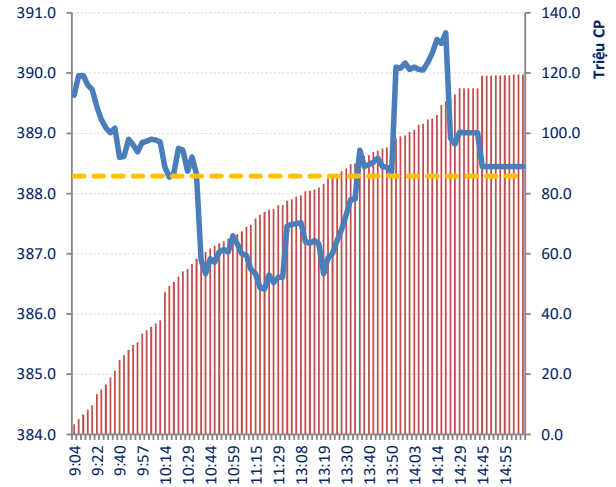
Kết thúc phiên giao dịch ngày 20/10, Dow Jones tăng 152,03 điểm tương đương 0,43% lên 35.609,34 điểm. Nasdaq giảm 7,41 điểm tương đương 0,05% xuống 15.121,68 điểm. Nasdaq Composite tăng 16,56 điểm tương đương 0,37% lên 4.536,19 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

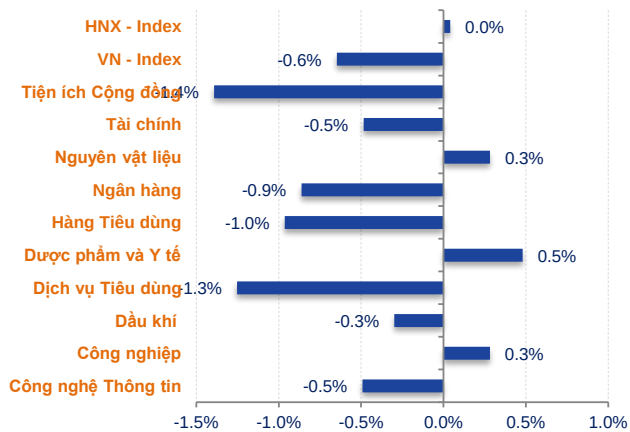
KLGD và VN-Index trong phiên



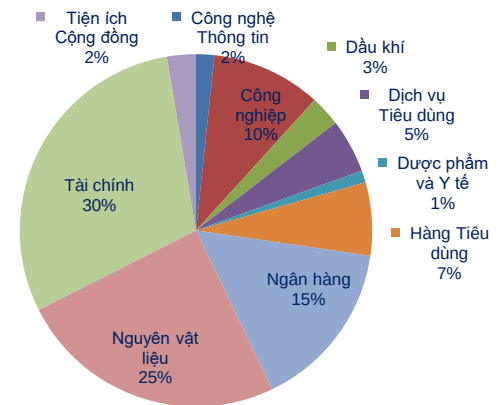
KLGD và HNX-Index trong phiên



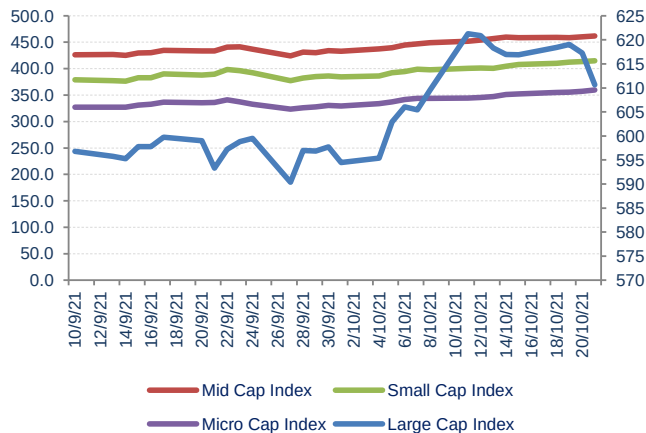
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



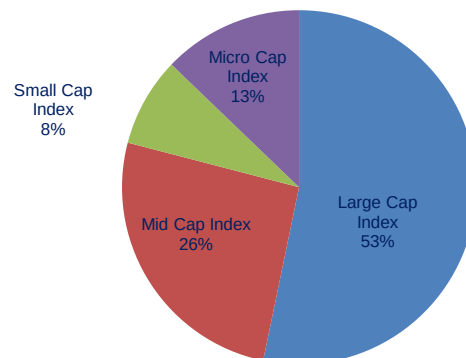
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	FUESSVFL	3,024,800	HPG	5,383,400
2	VNM	1,163,300	SSI	2,080,100
3	ASM	935,800	NLG	1,921,700
4	CTG	709,100	PAN	1,186,100
5	TNH	595,800	DXG	1,013,700

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	HHG	153,000	TNG	202,700
2	HMH	60,000	MBG	178,200
3	PVI	58,600	PVS	73,100
4	KVC	29,100	IVS	68,600
5	SVN	24,500	SD9	47,900

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HPG	56.90	57.20	↑ 0.53%	39,982,300
HQC	4.44	4.75	↑ 6.98%	20,309,500
FLC	11.55	12.00	↑ 3.90%	19,156,900
TCB	53.20	52.90	↓ -0.56%	15,599,400
POW	12.30	12.05	↓ -2.03%	13,635,800

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
KLF	4.80	5.00	↑ 4.17%	11,295,956
PVS	28.80	28.50	↓ -1.04%	8,901,732
TVC	16.80	18.00	↑ 7.14%	8,814,607
BII	15.80	17.30	↑ 9.49%	4,622,051
ART	9.80	10.00	↑ 2.04%	3,616,349

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
OGC	6.58	7.04	0.46	↑ 6.99%
HMC	29.30	31.35	2.05	↑ 7.00%
HQC	4.44	4.75	0.31	↑ 6.98%
PSH	17.20	18.40	1.20	↑ 6.98%
PC1	38.70	41.40	2.70	↑ 6.98%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SD9	11.00	12.10	1.10	↑ 10.00%
MCO	6.00	6.60	0.60	↑ 10.00%
RCL	16.00	17.60	1.60	↑ 10.00%
VLA	18.10	19.90	1.80	↑ 9.94%
QHD	39.40	43.30	3.90	↑ 9.90%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

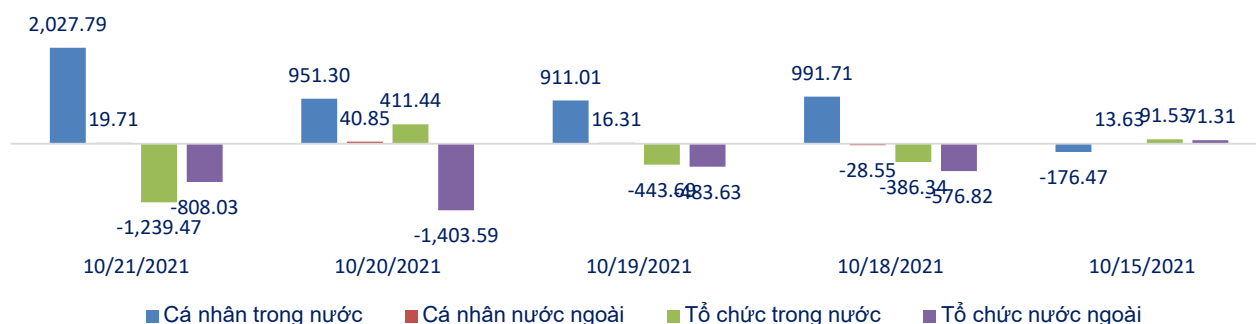
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DLG	7.76	7.22	-0.54	↓ -6.96%
RDP	13.40	12.55	-0.85	↓ -6.34%
ELC	29.60	28.05	-1.55	↓ -5.24%
BRC	17.00	16.20	-0.80	↓ -4.71%
SFC	27.00	25.75	-1.25	↓ -4.63%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CLM	32.10	28.90	-3.20	↓ -9.97%
HCT	14.60	13.20	-1.40	↓ -9.59%
NAP	11.90	10.80	-1.10	↓ -9.24%
THT	16.00	14.80	-1.20	↓ -7.50%
TC6	15.20	14.10	-1.10	↓ -7.24%

(*) Giá điều chỉnh



Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	559.25	39.5%	5,614	10.1	3.4
VIC	151.81	4.5%	1,600	57.7	2.2
SSI	145.61	16.5%	2,059	19.6	2.3
NVL	105.48	12.9%	3,258	31.4	3.8
TCB	102.27	21.0%	4,613	11.5	2.2

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	-37.07	31.9%	5,109	17.6	5.5
DBD	-32.86	16.9%	3,052	15.5	2.5
APH	-31.19	2.0%	548	74.8	1.5
DPM	-28.42	13.7%	2,915	15.7	2.0
VHC	-28.25	13.5%	3,956	14.7	2.0

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PAN	4.57	3.6%	1,049	29.2	1.1
VSC	4.55	12.5%	5,035	13.4	1.7
HPG	3.47	39.5%	5,614	10.1	3.4
MSN	2.99	7.6%	1,784	80.2	5.4
PVT	2.59	11.9%	2,313	10.5	1.2

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
GEG	-5.30	8.1%	969	21.4	1.6
HQC	-2.03	0.1%	9	488.2	0.5
TNH	-1.93	17.4%	2,710	14.9	2.4
VND	-0.97	34.3%	5,270	10.1	2.4
CTG	-0.76	18.5%	3,414	8.8	1.2

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DBD	32.91	16.9%	3,052	15.5	2.5
APH	31.08	2.0%	548	74.8	1.5
PVD	24.28	0.0%	2	14,763.7	0.8
FLC	20.49	15.4%	2,364	4.9	0.8
AGG	20.31	18.8%	5,092	8.8	1.5

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-249.10	39.5%	5,614	10.1	3.4
TCB	-102.27	21.0%	4,613	11.5	2.2
VNM	-67.43	31.9%	5,109	17.6	5.5
VPB	-65.72	22.6%	2,794	13.7	1.6
VIC	-63.41	4.5%	1,600	57.7	2.2

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	103.41	31.9%	5,109	17.6	5.5
FUESSVFL	61.69	N/A	N/A	N/A	N/A
VHC	28.87	13.5%	3,956	14.7	2.0
TNH	27.03	17.4%	2,710	14.9	2.4
GMD	23.19	6.5%	1,461	34.6	2.2

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-313.62	39.5%	5,614	10.1	3.4
NLG	-98.96	13.2%	3,743	13.5	1.5
VIC	-88.30	4.5%	1,600	57.7	2.2
SSI	-83.82	16.5%	2,059	19.6	2.3
VHM	-78.98	36.9%	7,775	10.1	2.7



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	39,982,300	39.5%	5,614	10.1	3.4
HQC	20,309,500	3250.0%	9	488.2	0.5
FLC	19,156,900	15.4%	2,364	4.9	0.8
TCB	15,599,400	21.0%	4,613	11.5	2.2
POW	13,635,800	7.5%	1,006	12.2	0.9

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
KLF	11,295,956	0.0%	4	1,171.8	0.5
PVS	8,901,732	4.4%	1,187	24.3	1.1
TVC	8,814,607	24.2%	4,095	4.1	0.8
BII	4,622,051	2.8%	265	59.7	1.5
ART	3,616,349	0.3%	32	310.0	0.8

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
OGC	↑ 7.0%	8.0%	325	20.2	1.6
HMC	↑ 7.0%	41.4%	8,338	3.5	1.3
HQC	↑ 7.0%	0.1%	9	488.2	0.5
PSH	↑ 7.0%	7.4%	938	18.3	1.3
PC1	↑ 7.0%	13.7%	3,649	10.6	1.3

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SD9	↑ 10.0%	0.6%	150	73.2	0.5
MCO	↑ 10.0%	0.3%	35	169.4	0.5
RCL	↑ 10.0%	5.3%	1,194	13.4	0.7
VLA	↑ 9.9%	-8.1%	(1,030)	-	1.6
QHD	↑ 9.9%	23.5%	4,322	9.1	2.2

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
UESSVF	3,024,800	N/A	N/A	N/A	N/A
VNM	1,163,300	31.9%	5,109	17.6	5.5
ASM	935,800	6.1%	1,635	10.5	0.6
CTG	709,100	18.5%	3,414	8.8	1.2
TNH	595,800	17.4%	2,710	14.9	2.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HHG	153,000	-23.3%	(1,893)	-	0.6
HMH	60,000	8.9%	1,661	9.7	0.9
PVI	58,600	11.0%	3,581	13.4	1.5
KVC	29,100	-7.4%	(771)	-	0.6
SVN	24,500	0.1%	6	936.1	0.5

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	352,343	20.6%	5,533	17.2	3.4
VIC	351,221	4.5%	1,600	57.7	2.2
VHM	343,124	36.9%	7,775	10.1	2.7
HPG	254,509	39.5%	5,614	10.1	3.4
GAS	219,147	16.3%	4,178	27.4	4.6

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	79,765	33.9%	6,555	34.8	14.0
KSF	23,700	8.8%	782	101.0	4.0
VCS	20,800	42.1%	10,726	12.1	4.9
IDC	18,420	11.3%	1,684	36.5	3.9
BAB	16,268	7.8%	876	24.7	1.8

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
DAH	2.71	-7.4%	(683)	-	1.0
SCR	2.50	5.8%	770	16.9	0.9
KMR	2.28	2.0%	201	39.1	0.7
IJC	2.16	25.8%	3,971	7.9	2.1
HAI	2.07	0.6%	68	66.7	0.4

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
WSS	2.27	8.7%	885	12.8	1.1
HBS	2.11	1.2%	140	84.7	1.0
NVB	2.04	3.3%	355	80.5	2.6
PSI	2.04	2.9%	300	48.3	1.4
KLF	2.02	0.0%	4	1,171.8	0.5



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trưởng phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn